**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2017/DS-PT
Ngày: 22/8/2017
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Loan
*Các Thẩm phán:* Ông Hoàng Thanh Dũng
Ông Nguyễn Văn Nhân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước*:** Ông Nguyễn Thanh Mến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2017/TLPT-DS ngày 30/6/2017 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 07/4/2017 của Toà án nhân dân huyện B bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2017/QĐ-PT ngày 12/8/2017 giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Trương Thị H, sinh năm 1971
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.
*Bị đơn:* Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1969
Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước
*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Ông Quan Văn H, sinh năm 1971
2. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1972
Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước
3. Ông Đinh Văn T, sinh năm 1962
Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước
Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

## NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

*Nguyên đơn bà Trương Thị H trình bày:*

Do quen biết nhau nên giữa bà Trương Thị H và bà Đỗ Thị L có nhiều lần thực hiện hợp đồng vay tài sản, cụ thể như sau:

Đợt 1: Vào ngày 24/11/2012, bà Đỗ Thị L có vay của bà Trương Thị H số tiền 100.000.000 đồng; và ngày 25/11/2012, bà L vay tiếp của bà H số tiền 120.000.000 đồng. Trong hai lần vay này các bên có lập giấy vay tiền viết tay do bà L ký tên, khi vay thỏa thuận lãi suất bằng miệng 3,5% và thời hạn hẹn trả nợ là mùa điều năm sau. Sau khi ký kết hợp đồng vay bà L đã trả cho bà H tiền lãi suất theo thỏa thuận đến tháng 8/2013.

Đợt 2: Vào ngày 25/5/2013, bà L vay tiếp của bà H số tiền 50.000.000 đồng, khi vay các bên cũng lập giấy vay tiền viết tay do bà L ký tên, các bên thỏa thuận lãi suất là 3,5% và thỏa thuận thời hạn trả nợ là 01 năm kể từ ngày vay tiền. Khi vay số tiền này bà L có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 289/ĐL/UB ngày 16/5/2005 do UBND huyện P (cũ) nay là huyện B, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ ông Quan Văn H. Sau khi vay số tiền này bà L đã trả lãi suất theo thỏa thuận đến tháng 5/2013.

Do đã đến thời hạn trả nợ của các khoản vay trên nên bà H đã nhiều lần yêu cầu bà L trả tổng số tiền gốc 270.000.000 đồng và lãi suất còn lại cho bà H nhưng bà L vẫn không trả cho H. Sau đó đến ngày 06/01/2016 bà L và ông T viết giấy khất nợ đối với tổng số tiền gốc vay 270.000.000 đồng và hẹn đến ngày 20/4/2016 bà L, ông T sẽ trả toàn bộ số tiền gốc trên và lãi suất cho bà H. Tuy nhiên đến thời hạn hẹn trả nợ nhưng bà L và ông T vẫn không trả cho bà H số tiền gốc và lãi suất nào. Nay bà H yêu cầu bà L, ông T có trách nhiệm trả cho bà H tổng số tiền gốc vay là 270.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ tháng 8/2013 của hai khoản vay ngày 24 và ngày 25/11/2012; đối với khoản vay ngày 25/5/2013 yêu cầu tính lãi suất từ tháng 5/2013 cho đến nay.

*Bị đơn bà Đỗ Thị L trình bày:*

Bà L thừa nhận và thống nhất với lời trình bày của bà H về tổng số tiền vay mà bà L đã ký vào các giấy vay tiền và giấy khất nợ như bà H đã nêu. Tuy nhiên, đối với số tiền này xuất phát từ các lần vay tiền trước đó, cụ thể như sau:

Vào ngày 08/4/2010, bà Quan Thị D có nhờ bà L vay của bà H số tiền 70.000.000 đồng, khi vay có lập giấy viết tay do bà L ký tên và thỏa thuận lãi suất vay 3,5%/tháng/triệu đồng và thời hạn trả nợ theo thỏa thuận miệng là tháng 4/2011 trả hết tiền gốc. Hai bên thỏa thuận để đảm bảo cho hợp đồng vay bà L thế chấp cho bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 289/LD/UB ngày 16/5/2005 mang tên hộ ông Quan Văn H. Đối với khoản vay này bà L đã trả được số tiền lãi suất đến tháng 11/2012 (tổng cộng số tiền lãi suất đã trả bà L không nhớ). Đến ngày 25/5/2013, bà L đã trả cho bà H được số tiền gốc là 20.000.000 đồng, cùng ngày 25/5/2013 giữa bà L và bà H chốt lại khoản vay này với số tiền gốc là 50.000.000 đồng, khi chốt lại số nợ này bà L và bà H có lập lại giấy vay tiền do bà L ký tên và tiếp tục thỏa thuận thời hạn trả nợ gốc là tháng 5/2014 và lãi suất là 3,5%/tháng/triệu

đồng. Sau khi lập giấy chốt nợ ngày 25/5/2013 đến nay tôi chưa trả được tiền gốc và tiền lãi cho bà H.

Ngày 24/11/2010, bà D tiếp tục nhờ bà L vay của bà H số tiền 130.000.000 đồng, khi vay có lập giấy vay tiền do bà L ký tên và thỏa thuận lãi suất 7,5%/tháng/ triệu đồng, thời hạn trả nợ gốc là 01 năm kể từ ngày vay. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tiền bà L đã trả được số tiền lãi suất và số tiền gốc là 30.000.000 đồng vào ngày 24/11/2012. Cùng ngày 24/11/2012 bà L và bà H lập giấy chốt nợ lại, số tiền gốc bà L còn nợ là 100.000.000 đồng, giấy chốt nợ do bà L ký tên và thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 7,5%/tháng/triệu đồng, thời hạn trả đối với khoản nợ 100.000.000 đồng là tháng 11/2013. Số tiền nợ này bà L đã trả tiền lãi suất đến tháng 8/2013 với tổng số tiền lãi đã trả là 75.000.000 đồng (khi trả tiền lãi bà L và bà H không lập giấy trả lãi mà bà H chỉ ghi vào sổ nợ của gia đình bà H và cũng không có ai làm chứng). Ngoài ra từ đó đến nay bà L chưa trả được khoản tiền lãi và tiền gốc nào cho bà H.

Ngày 22/6/2010, bà D tiếp tục nhờ bà L đứng ra vay số tiền 155.000.000 đồng của bà H, giấy vay tiền do bà L ký tên và thỏa thuận lãi suất 7,5%/tháng/triệu đồng, thời hạn trả nợ 01 năm. Trong thời gian thực hiện hợp đồng bà L đã trả được số tiền lãi suất và tiền gốc cho bà H vào ngày 25/11/2012 là 35.000.000 đồng. Cũng trong cùng ngày này bà L và bà H lập giấy chốt nợ số tiền gốc còn lại là 120.000.000 đồng do bà L ký tên và thỏa thuận miệng với nhau mức lãi suất là 7,5%/tháng/triệu đồng, đóng lãi suất hàng tháng và thời hạn trả nợ là 01 năm. Sau khi lập giấy chốt nợ ngày 25/11/2012 bà L đã trả được tiền lãi suất đến tháng 8/2013 là 90.000.000 đồng, khi trả tiền lãi không lập giấy tờ gì. Ngoài ra đến nay tôi chưa trả thêm được số tiền lãi và tiền gốc nào cho bà H.

Tổng số tiền nợ gốc mà bà L còn nợ bà H là 270.000.000 đồng, do đã hết thời hạn trả nợ nên vào ngày 06/01/2012 bà H có đưa xã hội đen đến nhà bà L và buộc bà L ký giấy khất nợ ngày 06/01/2016 với số tiền nợ 270.000.000 đồng, thời hạn trả nợ gốc và lãi suất theo quy định vào ngày 20/4/2016. Tuy nhiên, kể từ ngày lập giấy khất nợ ngày 06/01/2016 đến nay bà L chưa trả được tiền nợ gốc và nợ lãi cho bà H.

Bà L xác định mục đích vay tiền của bà H là bà vay dùm cho bà Quan Thị D nhưng việc ký giấy vay tiền do bà ký, sau những lần vay tiền thì bà D có viết lại giấy vay tiền cho bà. Hiện nay bà L không biết địa chỉ bà D ở đâu nên bà đồng ý nhận số tiền nợ còn lại của bà H, còn đối với bà D bà sẽ khởi kiện bà D bằng một vụ án khác. Tuy nhiên trước yêu cầu của ông H buộc bà phải trả tổng số tiền gốc 270.000.000 đồng và tiền lãi suất thì bà không đồng ý, vì hiện nay gia đình bà L không còn khả năng trả nợ. Hơn nữa trong quá trình thực hiện hợp đồng bà L đã trả tiền lãi suất quá cao nên bà L yêu cầu tính lại tiền lãi suất và khấu trừ vào số tiền nợ gốc còn lại cho bà L

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đinh Văn T trình bày:

Trong quá trình bà L và bà H thực hiện ký kết các hợp đồng vay tiền ông T không biết, chỉ đến khi bà H đưa người đến nhà ông yêu cầu bà L trả tiền nợ ông mới biết việc bà L và bà H ký kết các hợp đồng vay tiền với nhau. Ngoài ra, ông T không trực tiếp chứng kiến việc bà L ký giấy vay tiền của bà H nhưng ông có nghe bà L nói lại việc bà L đứng ra viết giấy vay giùm tiền của bà H cho bà D, cũng như việc bà D có thế chấp cho bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Quan Văn H. Do đó, đến ngày 06/01/2016, khi bà H yêu cầu bà L viết giấy khất nợ số tiền 270.000.000 đồng thì ông T có ký tên vào giấy khất nợ số tiền gốc 270.000.000 đồng.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật, vì số tiền vay mượn này không liên quan đến ông T, đó là việc riêng của bà L. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì thêm.

2. Ông Quan Văn H và bà Hoàng Thị H trình bày:

Vào khoảng năm 2010, gia đình ông bà có vay số tiền 5.000.000 đồng của bà Quan Thị D với mức lãi suất 5%/tháng, khi vay có thế chấp cho bà D 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Quan Văn H. Sau đó gia đình ông bà đã trả tiền nợ gốc và lãi suất cho bà D là 7.000.000 đồng, sau khi trả nợ ông H, bà H có yêu cầu bà D trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà D khất lần này đến lần khác không trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà H. Nay ông H, bà H biết được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông H đang do bà H cầm giữ nên ông H, bà H yêu cầu Tòa án buộc bà H trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Quan Văn H cho ông H và bà H. Ngoài ra đối với việc bà L vay tiền của bà H, ông H, bà H không biết.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 07/4/2017 của Toà án nhân dân huyện B tuyên xử:*

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị H:

Buộc bị đơn bà Đỗ Thị L và ông Đinh Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Trương Thị H số tiền là 312.423.750 đồng (Trong đó số tiền nợ gốc là 270.000.000 đồng, tiền lãi suất là 42.423.750 đồng).

2/ Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quan Văn H và bà Hoàng Thị H.

Buộc bà Trương Thị H có nghĩa vụ giao trả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 289/ĐL/UB ngày 16/02/2005 của UBND huyện P cũ cấp cho hộ ông Quan Văn H cho ông Quan Văn H và bà Hoàng Thị H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 05/5/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định kháng nghị số 03/QĐ/KNPT-VKS với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm theo hướng: Sửa án sơ thẩm đối với hai

khoản vay 100.000.000đ ngày 24/11/2012 và 120.000.000đ ngày 25/11/2012. Cụ thể:

Khấu trừ tiền lãi đã trả vượt quá vào nợ gốc còn lại, buộc bị đơn trả lãi trong hạn bằng 150% lãi suất cơ bản và trả lãi quá hạn bằng 100% lãi suất cơ bản đối với nợ gốc thỏa thuận lại.

Không chấp nhận một phần yêu cầu lãi suất của hai khoản vay này từ tháng 8/2013 đến ngày 06/01/2016 và buộc nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận này

- Hủy bản án sơ thẩm về phần hợp đồng vay 50.000.000đ ngày 25/5/2013, có thế chấp quyền sử dụng đất của ông Quan Văn H, giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Tuyên sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 178.000.000 đồng, tiền lãi 74.000.000 đồng, tổng cộng 252.000.000 đồng và sửa án phí dân sự sơ thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Hủy bản án dân sự sơ thẩm về phần Hợp đồng vay 50.000.000 đồng ngày 25/5/2013, có thế chấp quyền sử dụng đất của ông Quan Văn H, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị của mình.

[1] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước cho rằng nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo quy định của pháp luật là không rõ ràng, cụ thể nhưng Tòa sơ thẩm vẫn thụ lý và tự xác định yêu cầu của nguyên đơn về mức lãi suất theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là không đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm, do các đương sự thỏa thuận với nhau về việc trả các khoản nợ giữa bà L và bà H, nên đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đã đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận, nên nội dung này Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị khấu trừ tiền lãi đã trả vượt quá vào nợ gốc còn lại; buộc bị đơn trả lãi trong hạn bằng 150% lãi suất cơ bản và trả lãi quá hạn bằng 100% lãi suất cơ bản đối với nợ gốc thỏa thuận lại thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào ngày 24/11/2012, bà Đỗ Thị L có vay của bà Trương Thị H số tiền 100.000.000 đồng và ngày 25/11/2012, bà L vay tiếp của bà H số tiền

120.000.000 đồng. Trong hai lần vay này các bên có lập giấy vay tiền viết tay do bà L ký tên, khi vay thỏa thuận lãi suất bằng miệng 3,5% và thời hạn hẹn trả nợ là mùa điều năm sau. Sau khi ký kết hợp đồng vay bà L đã trả cho bà H tiền lãi suất theo thỏa thuận đến hết tháng 7/2013. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận thống nhất bị đơn phải trả cho nguyên đơn 178.000.000 đồng tiền gốc sau khi khấu trừ số tiền lãi mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn quá cao so với quy định của pháp luật và 74.000.000 đồng tiền lãi suất theo quy định của pháp luật. Tổng cộng là 252.000.000 đồng. Xét thấy thỏa thuận giữa các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, căn cứ vào Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm về phần này.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm về phần hợp đồng vay 50.000.000đ ngày 25/5/2013, có thế chấp quyền sử dụng đất của ông Quan Văn H, giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật thấy rằng: Tại giấy vay tiền (BL65) và "Giấy khất nợ" (BL68) thể hiện đối với khoản vay này, bị đơn và nguyên đơn đều thừa nhận bị đơn có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Quan Văn H cho nguyên đơn. Theo ông H và bà L, ông T, bà H trình bày thì trước đó ông Quan Văn H vay và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà Quan Thị D, bà D vay và thế chấp cho bị đơn Loan. Tòa sơ thẩm không đưa bà D tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 68 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Hơn nữa đơn yêu cầu độc lập của ông H (BL 40) không đúng quy định tại khoản 4 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa sơ thẩm không yêu cầu ông H sửa đổi nội dung đơn, không yêu cầu ông H cung cấp địa chỉ của bà D là không đúng quy định tại Điều 193 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong phần nhận định của Bản án sơ thẩm nhận định "*Ông H, bà H cũng không có giao dịch dân sự gì với bà H để thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Quan Văn H*". Tuy nhiên, Bản án lại tuyên buộc nguyên đơn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H bà H là không đúng.

Quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện tất cả việc thế chấp đều không làm thành văn bản, không công chứng chứng thực nên tất cả đều vô hiệu. Tuy nhiên, Tòa sơ án cấp sơ thẩm, không giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu là không đúng quy định điều 137, 138 Bộ luật dân sự năm 2005. Nên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm về phần hợp đồng vay 50.000.000đ ngày 25/5/2013, có thế chấp quyền sử dụng đất của ông Quan Văn H, giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm giải quyết lại là có cơ sở nên được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa có căn cứ nên được chấp nhận một phần.

Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm, nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại như sau: Bị đơn bà Đỗ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền gốc và tiền lãi phải trả cho nguyên đơn là 252.000.000đ x 5% = 12.600.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, 3, Điều 308, khoản 1 Điều 309, khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Chấp nhận kháng nghị số 03/QĐ/KNPT-VKS ngày 05/5/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

Hủy một phần Bản án sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 07/4/2017 của Toà án nhân dân huyện B về phần Hợp đồng vay 50.000.000đ ngày 25/5/2013, có thế chấp quyền sử dụng đất của ông Quan Văn H, chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 07/4/2017 của Toà án nhân dân huyện B.

Áp dụng các Điều 290, 302, 305, 388, 389, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn bà Trương Thị H và bị đơn bà Đỗ Thị L.

Buộc bị đơn bà Đỗ Thị L và ông Đinh Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Trương Thị H số tiền là 252.000.000 đồng (Trong đó số tiền nợ gốc là 178.000.000 đồng, tiền lãi suất là 74.000.000 đồng).

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.*

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Đỗ Thị L phải chịu 12.600.000 đồng đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.***

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện B;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Nguyễn Đình Loan**

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán**
**Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Thanh Dũng** **Nguyễn Văn Nhân** **Nguyễn Đình Loan**